

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHỤNG HIỆP
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 01 - 8 - 2022.

“V/v tranh chấp ly hôn và
chia tài sản chung khi ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Tuấn Khanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Công Điện

2. Ông Nguyễn Thành Quyến

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Công Trện – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Cẩm Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 303/2022/TLST-HN ngày 10 tháng 5 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn và chia tài sản chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2022/QĐXX-ST ngày 01 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 72/2022/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim Ngọc Q, sinh năm 1999 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Bị đơn: Anh Trần Vũ L, sinh năm 1992 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Hồ Thị L1, sinh năm 1967 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

2/ Bà Huỳnh Thị Bé B, sinh năm 1969 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày: Chị và anh Trần Vũ L qua tìm hiểu cưới nhau và sống chung năm 2017, chúng tôi tự quen biết, có tìm hiểu nhau trước khi kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang vào ngày 11/10/2017.

Thời gian đầu vợ chồng sống với nhau hạnh phúc. Sau đó, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Thường xuyên cãi nhau, không còn yêu thương, chăm sóc chia sẻ lẫn nhau, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân không thể hàn gắn được nên đã sống ly thân từ ngày 04/02/2022 cho đến nay. Nay tôi khởi kiện yêu cầu giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với anh Trần Vũ L.

Về con chung: Quá trình chung sống có 01 con chung là Trần Nguyễn Tường V, sinh ngày 16/10/2019, tôi yêu cầu tiếp tục được nuôi con và yêu cầu anh L cấp dưỡng mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa, chị Q yêu cầu anh L cấp dưỡng mỗi tháng là 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Chúng tôi có tài sản chung là 1,5 lượng vàng 24K (gồm 01 dây chuyền 05 chỉ, 01 lắc đeo tay 05 chỉ, 01 lắc đeo tay 04 chỉ, 01 đôi bông tai 01 chỉ), tôi yêu cầu chia đôi tài sản này làm 02 phần bằng nhau cho tôi và anh L. Hiện số vàng này do anh L đang giữ.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Trần Vũ L trình bày: Tôi thống nhất với phần trình bày của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân, về mâu thuẫn vợ chồng, thực tế tôi vẫn còn yêu thương vợ con, vẫn mong con tôi có một gia đình đầy đủ tình thương của cha mẹ ông bà hai bên. Nhưng nếu vợ tôi vẫn yêu cầu ly hôn, thì tôi đồng ý ly hôn.

Về quan hệ hôn nhân: anh Trần Vũ L đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim Ngọc Q.

Về con chung: Quá trình chung sống có 01 con chung là Trần Nguyễn Tường V, sinh ngày 16/10/2019, tôi đồng ý cho vợ tôi tiếp tục được nuôi con và tôi

đồng ý cấp dưỡng mỗi tháng là 1.000.000 đồng đến khi cháu V đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung gồm:

- 1,5 lượng vàng 24k mà gia đình tôi đã cho vợ tôi ngày cưới gồm: 01 dây chuyền 05 chỉ, 01 lắc đeo tay 05 chỉ, 01 lắc đeo tay 04 chỉ, 01 đôi bông tai 01 chỉ. Hiện số vàng này tôi đang giữ.

- 1 lượng vàng 24K do mẹ ruột vợ tôi là Hồ Thị L1 cho vào ngày cưới gồm 01 dây chuyền 05 chỉ và 01 lắc tay 05 chỉ, hiện do chị Q đang giữ.

- 06 chỉ vàng 18K mẹ ruột tôi là Huỳnh Thị Bé B cho vào ngày cưới gồm 07 vòng đeo tay, 01 nhẫn trơn, 02 nhẫn cưới, hiện do chị Q đang giữ.

- 02 chỉ vàng 18K là 01 dây chuyền, mẹ ruột tôi là Huỳnh Thị Bé B cho vợ tôi sau ngày cưới, hiện chị Q đang giữ.

Tổng cộng tài sản chung là 3,3 lượng vàng, trong đó có 2,5 lượng vàng 24K và 08 chỉ vàng 18K. Tôi yêu cầu chia đôi tài sản này và mỗi người nhận $\frac{1}{2}$ tài sản.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị L1 trình bày: Tôi là mẹ ruột của Nguyễn Thị Kim Ngọc Q, sau thời gian tổ chức lễ cưới và sống chung thì vợ chồng Q và L hạnh phúc, nhưng thời gian gần đây thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không hòa hợp nhau nên con tôi có khởi kiện yêu cầu ly hôn với L. Đối với 01 lượng vàng 24k mà con tôi và anh L tranh chấp, thì do tôi cho con tôi trước khi tổ chức lễ cưới, lúc Q còn đi học, tôi mua cho Q khi đi đám để đeo trong người, việc tặng cho trước khi bắt đầu quan hệ hôn nhân của hai con. Trong ngày cưới có mang ra cho Q để chụp hình làm kỷ niệm. Cho nên đây là tài sản riêng của con tôi. Về giấy tờ hay biên nhận mua vàng hiện tại tôi không còn giữ nên không thể giao nộp cho Tòa án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Bé B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ vẫn vắng mặt nhưng có cung cấp lời trình bày: Tổng số vàng cưới tôi cho con dâu là 2,1 cây vàng, trong đó có 1,5 cây vàng 24K, 06 chỉ vàng 18K, sau ngày cưới tôi có tiếp tục cho con dâu một sợi dây chuyền 18K, trọng lượng 02 chỉ. Khi con dâu tôi có đất có lấy lại 01 cây vàng 24K và gửi lại 1,5 cây vàng 24K. Tài sản chung của L và Q không liên quan gì đến gia đình tôi, mọi việc do Tòa án quyết định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy trình thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án, kiểm sát viên đề nghị: Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim Ngọc Q được ly hôn với anh Trần Vũ L; Về con chung: Giao con chung cho nguyên đơn nuôi dưỡng và bị đơn cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.0000 đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi; Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Kim Ngọc Q được quyền sở hữu 7,5 chỉ vàng 24K. Buộc anh Trần Vũ L có nghĩa vụ giao trả cho chị Nguyễn Thị Kim Ngọc Q 7,5 chỉ vàng 24K; Anh Trần Vũ L được quyền sở hữu 2,5 chỉ vàng 18K. Buộc chị Nguyễn Thị Kim Ngọc Q có nghĩa vụ giao trả cho anh Trần Vũ L 2,5 chỉ vàng 18K ;Về nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp ly hôn và chia tài sản chung khi ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, các đương sự có nơi cư trú tại ấp A, xã T, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Trần Vũ L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Thị Bé B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại các phiên tòa, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Bé B đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh L và bà Bé B.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn xuất phát từ sự tự nguyện, quá trình sống chung đến nay có đăng ký kết hôn theo luật định nên quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Kim Ngọc Q và anh Trần Vũ L được pháp luật thừa nhận. Về

nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do chị Q và anh L bất đồng quan điểm trong cuộc sống hằng ngày nên vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột trong tình cảm vợ chồng. Từ đó, vợ chồng không còn tìm được tiếng nói chung, cuộc sống hôn nhân không còn hòa hợp và đã ly thân từ ngày 04/02/2022 đến nay. Chị Q và anh L đã được hai bên gia đình thuyết phục, hàn gắn nhưng không giải quyết được nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Quá trình giải quyết anh L thống nhất ly hôn với chị Q. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tạo điều kiện cho chị Q hàn gắn với anh L nhưng chị không đồng ý và vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã thật sự trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa các đương sự.

[3] Về con chung: Chị Q và anh L thống nhất quá trình chung sống có 01 con chung là Trần Nguyễn Tường V, sinh ngày 16/10/2019, chị Q có yêu cầu giao con chung cho chị chăm sóc, nuôi dưỡng. Hơn nữa, anh L cũng đồng ý giao con chung cho chị Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Mặt khác, hiện chị Q cũng đang nuôi dưỡng cháu V nên cần ổn định cuộc sống cho cháu. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của chị Q và anh L. Giao cháu V cho chị Q tiếp tục, chăm sóc nuôi dưỡng. Dành quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh L không ai có quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án chị Q yêu cầu anh L cấp dưỡng mỗi tháng 1.500.000 đồng đến khi cháu V đủ 18 tuổi. Anh L không thống nhất với yêu cầu này mà chỉ đồng ý với mức cấp dưỡng mỗi tháng là 1.000.000 đồng. Tại phiên tòa, chị Q thống nhất với mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự, anh L cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng, đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung: Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, chị Q yêu cầu chia đôi tài sản chung là 1,5 cây vàng 24K. Theo đơn yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn của anh L xác định tài sản chung của anh và chị Q gồm 1,5 cây vàng 24K và 06 chỉ vàng 18K do gia đình anh cho vào ngày cưới, 01 cây vàng 24K do bà Hồ Thị L1 cho vào ngày cưới. Sau ngày cưới gia đình anh có mua cho chị Q một dây chuyền 18K, trọng lượng 02 chỉ. Tổng cộng là 2,5 cây vàng 24K và 08 chỉ vàng 18K. Anh L yêu cầu giải quyết chia đôi các số vàng trên. Hội đồng xét xử xét thấy, đối với 1,5 cây vàng 24K thì chị Q và anh L đều thống nhất là tài sản chung và đồng ý chia đôi tài sản này nên ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương

sự, chị Q và anh L mỗi người được sở hữu 7,5 chỉ vàng 24K. Hiện số vàng này anh L đang giữ nên buộc anh L có nghĩa vụ giao trả cho chị Q 7,5 chỉ vàng 24K. Riêng 01 cây vàng 24K mà anh L yêu cầu thì chị Q xác định đây là tài sản mà cha mẹ cho riêng chị trước khi tổ chức lễ cưới, vào ngày cưới chỉ mang ra để chụp ảnh làm kỷ niệm. Đồng thời, bà Hồ Thị L1 là mẹ ruột của chị Q cũng xác định đây là số vàng mà bà đã cho chị Q trước khi tổ chức lễ cưới và cho riêng chị Q. Vào ngày diễn ra lễ cưới thì có mang ra với mục đích để chụp ảnh. Thêm vào đó, chị Q cũng xác định 01 cây vàng 24K, trong đó có 01 lắc tay 5 chỉ và 01 dây chuyền 05 chỉ, hiện tại chị đang giữ và không có sáp nhập vào khối tài sản chung của vợ chồng. Bên cạnh đó, anh L cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác xác định đây là tài sản chung. Như vậy, có căn cứ xác định đây là tài sản riêng của chị Q nên yêu cầu của anh L không có cơ sở chấp nhận.

Đối với 06 chỉ vàng 18K mà anh L cho vào ngày cưới, chị Q chỉ thừa nhận chỉ có 05 chỉ vàng 18K, xét thấy hiện tại anh L đang giữ 01 nhẫn cưới trong số vàng này. Hơn nữa, anh L cũng không có hóa đơn, chứng từ hay tài liệu chứng cứ nào khác để chứng minh về việc có 06 chỉ vàng này. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào lời thừa nhận của chị Q để xác định gia đình anh L có cho vàng chị Q. Đồng thời, chị Q và anh L cũng thống nhất đây là tài sản chung. Cho nên chị Q và anh L mỗi người được sở hữu 2,5 chỉ vàng 18K, hiện chị Q đang giữ số vàng này và đồng ý giao trả cho anh L là 2,5 chỉ vàng 18K.

Về 02 chỉ vàng 18K, anh L và bà Bé B xác định có mua cho chị Q sau ngày cưới nhưng chị Q không thừa nhận là có mua cho số vàng này. Anh L và bà Bé B cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh cho yêu cầu này nên không có sở để xem xét chấp nhận.

[5] Về nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét

[6] Về án phí: Nguyên đơn tự nguyện nộp án phí hôn nhân và gia đình. Bị đơn phải nộp án phí cấp dưỡng. Nguyên đơn và bị đơn phải chịu án phí chia tài sản chung theo quy định.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 51, Điều 53; Điều 56, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Kim Ngọc Q.

Chấp nhận một phần yêu cầu chia tài sản chung của bị đơn Trần Vũ L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim Ngọc Q và anh Trần Vũ L thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trần Nguyễn Tường V (Giới tính: Nữ), sinh ngày 16/10/2019 cho chị Nguyễn Thị Kim Ngọc Q trực tiếp nuôi dưỡng, anh Trần Vũ L phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000 đồng đến khi cháu Trần Nguyễn Tường V đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án.

Dành quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh Trần Vũ L không ai có quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung:

Về 1,5 cây vàng 24k: Anh Trần Vũ L được quyền sở hữu 7,5 chỉ vàng 24K, chị Nguyễn Thị Kim Ngọc Q được quyền sở hữu 7,5 chỉ vàng 24K. Do anh Trần Vũ L đang giữ số vàng này, nên buộc anh Trần Vũ L có nghĩa vụ giao trả cho chị Nguyễn Thị Kim Ngọc Q 7,5 chỉ vàng 24K.

Về 05 chỉ vàng 18K: Chị Nguyễn Thị Kim Ngọc Q được quyền sở hữu 2,5 chỉ vàng 18K, anh Trần Vũ L được quyền sở hữu 2,5 chỉ vàng 18K. Do chị Nguyễn Thị Kim Ngọc Q đang giữ số vàng này, nên buộc chị Nguyễn Thị Kim Ngọc Q có nghĩa vụ giao trả cho anh Trần Vũ L 2,5 chỉ vàng 18K.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

5. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Kim Ngọc Q phải nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và nộp 2.400.000 đồng (Hai triệu

bốn trăm nghìn đồng) án phí chia tài sản chung, chị Q được khấu trừ 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008096 ngày 10 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang. Chị Nguyễn Thị Kim Ngọc Q còn phải nộp thêm là 1.550.000 đồng (Một triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Anh Trần Vũ L phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng và nộp 2.400.000 đồng (Hai triệu bốn trăm nghìn đồng) án phí chia tài sản chung, anh L được khấu trừ 2.090.000 đồng (Hai triệu không trăm chín mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008197 ngày 17 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang. Anh Trần Vũ L còn phải nộp thêm là 610.000 đồng (Sáu trăm mười nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND H.Phụng Hiệp;
- UBND xã nơi cư trú;
- Chi cục THADS H.Phụng Hiệp;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Võ Văn Tuấn Khanh